

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

-----o0o-----

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 4 NĂM 2013**

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 02 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2013
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.458.477.109.246	2.512.342.753.055
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	436.172.509.035	545.259.172.382
1. Tiền	111		389.833.757.726	485.701.303.320
2. Các khoản tương đương tiền	112		46.338.751.309	59.557.869.062
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		585.565.807.012	542.534.945.816
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	691.932.305.550	640.308.091.599
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(106.366.498.538)	(97.773.145.783)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.191.529.927.822	1.174.144.666.762
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	319.423.465.471	295.671.234.058
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	257.722.512.961	192.253.054.533
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	629.492.136.468	702.341.435.380
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(15.108.187.078)	(16.121.057.208)
IV. Hàng tồn kho	140		107.320.110.252	87.640.775.548
1. Hàng tồn kho	141	V.8	107.320.110.252	87.640.775.548
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		137.888.755.125	162.763.192.547
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	19.198.225.421	18.668.417.509
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		27.923.261.405	13.736.445.093
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	14.540.637.976	15.797.479.286
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	76.226.630.323	114.560.850.659



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận I, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.168.382.840.965	4.310.059.898.025
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		41.000.000.000	81.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.12	41.000.000.000	81.000.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.991.871.334.249	1.976.998.421.444
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	2.141.774.169.626	1.745.499.033.254
<i>Nguyên giá</i>	222		3.382.129.659.476	2.833.228.491.625
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.240.355.489.851)	(1.087.729.458.371)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	244.251.891.922	88.531.898.139
<i>Nguyên giá</i>	228		256.524.340.238	96.686.661.250
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(12.272.448.316)	(8.154.763.111)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	605.845.272.702	142.967.490.051
III. Bất động sản đầu tư	240	V.16	214.904.819.861	227.310.035.803
<i>Nguyên giá</i>	241		279.448.439.795	279.448.439.795
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(64.543.619.934)	(52.138.403.992)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.487.086.698.132	1.646.655.521.937
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	1.288.141.724.432	1.402.796.608.559
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	250.648.383.006	297.811.943.094
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(51.703.409.305)	(53.953.029.717)
V. Tài sản dài hạn khác	260		206.453.093.631	117.635.872.530
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	201.616.013.921	106.231.656.042
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	3.941.692.861
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.22	4.837.079.710	7.462.523.627
VI. Lợi thế thương mại	269	V.23	227.066.895.092	260.460.046.312
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.626.859.950.212	6.822.402.651.081

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.748.804.148.269	2.190.903.332.430
I. Nợ ngắn hạn	310		1.147.062.664.381	1.098.964.794.402
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.24	490.311.027.352	491.784.589.720
2. Phải trả người bán	312	V.25	284.619.023.365	255.834.078.052
3. Người mua trả tiền trước	313	V.26	19.328.414.049	19.508.885.738
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.27	75.558.128.787	14.687.305.383
5. Phải trả người lao động	315	V.28	29.889.306.048	26.025.619.626
6. Chi phí phải trả	316	V.29	118.641.974.913	60.477.730.885
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.30	121.479.071.775	218.017.279.777
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.31	1.574.934.213	1.574.934.213
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.660.783.880	11.054.371.008
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.601.741.483.889	1.091.938.538.028
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.32	16.165.907.557	21.145.684.163
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.33	1.295.121.374.211	759.629.038.217
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		29.055.210.528	29.557.646.064
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.34	261.398.991.593	281.606.169.584
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.456.467.628.339	4.393.531.507.651
I. Vốn chủ sở hữu	410		4.456.467.628.339	4.393.531.507.651
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.35	1.144.216.690.000	1.094.473.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.35	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.35	71.797.775.902	71.797.775.902
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.35	29.488.418.904	22.725.336.908
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.35	7.233.118.656	4.511.710.559
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.35	34.781.898.799	29.429.404.912
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.35	34.571.748.512	32.384.254.625
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.35	662.903.503.166	666.735.460.345
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-


167
 TỶ
 IẢN
 EN H
 HUYỆ
 30 C

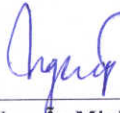
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	432	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
 C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	 439	 421.588.173.603	 237.967.811.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	<u>7.626.859.950.212</u>	<u>6.822.402.651.081</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2014


 Trương Như Nguyễn
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng




 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013


BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	704.531.570.774	636.933.583.126	2.531.479.450.544	2.583.237.815.898
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	906.153.735	951.600.628	3.227.946.110	2.773.045.378
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	703.625.417.039	635.981.982.498	2.528.251.504.434	2.580.464.770.520
4. Giá vốn hàng bán	11	560.880.948.068	514.614.791.779	2.080.807.339.865	2.124.875.893.783
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	142.744.468.970	121.367.190.719	447.444.164.570	455.588.876.736
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.767.186.646	32.954.369.269	190.015.345.336	118.121.496.851
7. Chi phí tài chính	22	37.189.226.569	50.042.398.220	163.355.085.367	190.547.947.209
Trong đó: chi phí lãi vay	23	27.842.498.905	33.188.075.514	115.010.442.151	143.502.583.899
8. Chi phí bán hàng	24	6.881.612.499	4.614.326.988	24.370.224.627	16.657.162.630
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	78.111.894.791	75.745.650.967	246.297.890.629	255.262.816.357
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	27.328.921.757	23.919.183.813	203.436.309.282	111.242.447.392
11. Thu nhập khác	31	16.434.159.287	8.485.670.679	41.807.023.117	155.559.635.860
12. Chi phí khác	32	29.806.258.771	2.321.100.518	44.767.517.322	118.719.379.146
13. Lợi nhuận khác	40	(13.372.099.485)	6.164.570.161	(2.960.494.205)	36.840.256.714
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	13.956.822.272	30.083.753.974	200.475.815.077	148.082.704.107
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	38.592.648.912	1.441.811.770	50.355.413.912	28.066.723.132
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	2.286.884.376	37.460.953	224.341.495	5.514.264.647
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(26.922.711.016)	28.604.481.251	149.896.059.670	114.501.716.328
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	1.456.043.623	683.851.667	12.123.444.207	10.751.838.585
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	(28.378.754.638)	27.920.629.584	137.772.615.463	103.749.877.743
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(251)	255	1.217	948

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2014


 Trương Như Nguyễn
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Quý 4 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tích lũy từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		200.475.815.077	148.082.704.106
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		244.918.751.687	248.257.952.948
- Các khoản dự phòng	03	V.3,7,19	5.330.862.213	(70.387.464.875)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3,4	18.146.286.471	(26.830.545.522)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,4,7,8	(348.791.106.655)	(98.272.130.559)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	115.010.442.151	143.502.583.899
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		235.091.050.943	344.353.099.997
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.609.521.880)	49.019.898.719
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(19.679.334.704)	(1.021.596.749)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		114.810.228.453	(123.667.983.214)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.462.637.471)	49.177.529.161
- Tiền lãi vay đã trả	13		(112.883.180.040)	(146.804.501.868)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(24.958.328.274)	(34.260.437.206)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		124.627.590.507	141.036.904.058
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(100.256.352.121)	(155.608.699.642)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		208.679.515.413	122.224.213.257
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(658.560.274.022)	(234.296.797.775)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		28.338.501.367	125.787.049.008
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(210.387.401.934)	(3.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		60.500.500.000	215.905.753.859
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(369.593.437.500)	(109.180.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		226.981.967.029	19.777.015.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		138.412.835.036	93.742.277.246
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(784.307.310.024)	108.735.297.338



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT


Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		49.743.600.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(3.743.651.754)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.24,34	1.387.725.311.164	1.243.887.236.881
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.24	(853.706.537.539)	(1.369.368.884.196)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(113.176.352.270)	(76.472.057.096)
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		466.842.369.601	(201.953.704.411)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(108.785.425.010)	29.005.806.184
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	545.259.172.382	516.375.213.095
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(301.238.337)	(121.846.894)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	436.172.509.035	545.259.172.384

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2014


 Trương Như Nguyễn
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2013

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gemadept (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ

: Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

: Khai thác cảng, logistics, bất động sản và trồng rừng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Tập đoàn kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ; cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng Container Nam Hải - Đình Vũ, cảng nước sâu Germalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Hàng hóa hàng không.
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm Cao ốc Gemadept, dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. Tổng số các công ty con : **25**

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất : **25**

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.	78.60 %	78.60 %
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Lầu 22 Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100.00 %	100.00 %

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Gemadep (Malaysia) Ltd.	No.49B, Jalan Cungah, 42000 Port Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.	100.00 %	100.00 %
Gemadep (Singapore) Ltd.	120 Lower Delta Road, #15-14/15 Cendex Centre, Singapore.	100.00 %	100.00 %
Grand Pacific Shipping Pte. Ltd.	120 Lower Delta Road, #11-01/04 Cendex Centre, Singapore.	100.00 %	100.00 %
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadep Nhơn Hội	Số 98 Phạm Hùng, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.	53.20 %	53.20 %
Công ty TNHH cảng Phước Long	Lầu 19 Tòa nhà Gemadep, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100.00 %	100.00 %
Công ty TNHH ISS - Gemadep	Số 8, đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	51.00 %	51.00 %
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadep	Lô J1, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100.00 %	100.00 %
Công ty TNHH vận tải Liên Ước	2A-4A Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	51.00 %	51.00 %
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyên – Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, phường 7, TP. Vũng Tàu, Việt Nam.	70.00 %	70.00 %
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadep	Đường số 2B, khu công nghiệp Phú Mỹ I, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Việt Nam.	51.00 %	51.00 %
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadep	Số 142, đường Nguyễn Thông, phường 3, TP. Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.	50.00 %	50.00 %
Công ty TNHH một thành viên Gemadep Hải Phòng	619B + 620 + 621, tầng 6, lô 20A, tòa nhà TD Business Center, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	100.00 %	100.00 %
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ (*)	Khu phố 7, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	46.00 %	54.00 %
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Số 201, phường Máy Chai, đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	99.98 %	99.98 %
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Lầu 21 tòa nhà Gemadep, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100.00%	100.00%
Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	Lầu 20, Tòa nhà Gemadep, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100.00%	100.00%
Công ty TNHH vận tải hàng hải	Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến	51.00%	51.00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
PO Việt Nam	Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.		
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	Lầu 2, Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100.00%	100.00%
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	Lầu 19 tòa nhà Gemadept, số 2 Bis - 4 - 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100.00%	100.00%
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương (Pacific Pearl Joint Stock Company Limited)	193C Mao Tse Toung Blv., Chamcarmon Dist., Phnom Penh City, Cambodia.	100.00%	100.00%
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương (Pacific Lotus Joint-Stock Company Limited)	193C Mao Tse Toung Blv., Chamcarmon Dist., Phnom Penh City, Cambodia.	100.00%	100.00%
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Km số 6 Đường Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	54.66%	54.66%
Công ty TNHH đầu tư xúc tiến thương mại hàng hải	Lầu 21 tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%

(*) Công ty cổ phần Gemadept nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ do được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.

6. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Số 117 Lê Lợi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	45.00%	45.00%
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Số 973 đường 30/4, phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	26.78%	26.78%
Công ty TNHH Molenbernatie – Gemadept Việt Nam	Lô J1, đường số 8, khu công nghiệp Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	49.00%	49.00%
Công ty cổ phần du lịch Minh Dạm	Khu phố Hải Tân, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.	40.00%	40.00%
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Số 112 đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	38.03%	38.03%
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam	Lô J2, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An, Bình Dương, Việt Nam.	49.00%	49.00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	29.43%	29.43%
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Số 418 đường Quang Trung, phường La Khê, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	25.00%	25.00%
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Số 267 đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	26.56%	26.56%
Công ty TNHH Golden Globe	Bản Sibunhuong, quận Chanthabouly, Thủ đô Viengchan, Lào.	40.00%	40.00%
Công ty TNHH OOCL logistics (Việt Nam)	Tầng 13 tòa nhà Sài Gòn Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	49.00%	49.00%

7. Danh sách các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên cơ sở kinh doanh</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link	Xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.	50.00%	50.00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn trong Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link là 75%. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty đồng ý sẽ chuyển 25% cổ phiếu đầu tư trong công ty này sang một đối tác khác. Điều này làm cho tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn trong Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link là 50%. Mặt khác Điều lệ của Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link quy định các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 76% tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý thông qua.

8. Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Trong năm, Công ty cổ phần Gemadept đã tăng vốn điều lệ từ 1.094.473.090.000 VND lên 1.144.216.690.000 VND do phát hành cổ phiếu theo chương trình phúc lợi bằng cổ phiếu cho người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/HĐCĐ2006 ngày 15 tháng 5 năm 2006 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02- 2010/GMD - HĐCĐ2010 ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Ngoài ra, Tập đoàn cũng đã chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Sinokor Việt Nam cho đối tác Sinokor Hàn Quốc và chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu của Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo.

Bên cạnh đó, Công ty TNHH MBN-GMD Việt Nam (Gemadept sở hữu 34% vốn) đã giải thể do hết thời hạn hoạt động. Để duy trì hoạt động sản xuất, các bên đối tác đã thành lập Công ty mới là Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi lưu giữ hàng hóa, trong đó Công ty cổ phần Gemadept nắm giữ 49% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong kỳ năm 2013 Công ty mẹ Gemadept đã thực hiện góp vốn vào Cty TNHH MTV Xúc Tiến Thương Mại Hàng Hải (Maproco) bằng giá trị cao ốc Gemadept. Việc xác định lại giá trị tòa nhà phát sinh khoản lợi nhuận khoảng 665 tỷ đồng được phản ánh trong báo cáo tài chính Công ty mẹ Gemadept.

Ngày 27/12/2013 Công ty mẹ Gemadept đã ký hợp đồng chuyển nhượng 85% vốn tại Maproco cho tập đoàn CJ của Hàn Quốc. Giao dịch này dự kiến sẽ hoàn tất trong năm 2014.

II. NĂM TÀI CHÍNH. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gemadept (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

5. Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là đơn vị mà Tập đoàn cùng kiểm soát các hoạt động của nó với các bên khác theo thỏa thuận.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn liên doanh trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh lợi ích của Tập đoàn từ kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con và công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con và công ty liên kết, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Giá trị hợp lý thuần của các tài sản và nợ phải trả được xác định bằng giá trị sổ sách. Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept tin tưởng rằng giá trị sổ sách sẽ không có chênh lệch trọng yếu so với giá trị hợp lý của chúng.

7. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng của các khoản mục trên kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn trong kỳ.

9. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 29
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	08 - 09

11. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

13. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được tính khấu hao theo thời hạn thuê đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 06 năm.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng, chi phí dự án trồng cao su tại Cambodia, chi phí lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của các công ty trong Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

17. Chi phí trả trước dài hạn

Quyền thuê đất

Quyền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất, các chi phí tư vấn và chi phí khác đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Quyền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng (chủ yếu là phụ tùng container, phụ tùng xe nâng, dây cáp thép, vỏ xe...) được phân bổ vào chi phí trong kỳ từ 02 - 05 năm theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tàu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 03 năm.

Các chi phí khác

Chi phí khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 – 05 năm.

18. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

19. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại các công ty trong Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 các công ty trong Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp các công ty trong Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

20. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

21. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

22. Cổ tức

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

23. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng như sau:

	Mục đích
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn...; Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị
• Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Bổ sung vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động
• Quỹ Hội đồng Quản trị	Trả thù lao và phục vụ cho các hoạt động của HĐQT

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên các công ty trong Tập đoàn hàng năm.

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

25. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ kế toán. Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.828 VND/USD
16.866 VND/SGD
6.846 VND/RM
31/12/2013 : 21.073 VND/USD
16.707 VND/SGD
6.452 VND/RM

26. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.11.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

27. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

28. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

29. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

30. Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu

Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu là khoản nợ có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định tại phương án phát hành. Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu vào nghĩa vụ phải trả theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và quyền của bên cho vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được ghi nhận là nợ phải trả và cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của khoản nợ chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và tiền lãi) về giá trị hiện tại theo lãi suất của các khoản vay tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu. Nếu không xác định được lãi suất của các khoản vay tương tự, lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành khoản nợ chuyển đổi được sử dụng để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai. Giá trị thành phần vốn của nợ chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành nợ chuyển đổi và giá trị phần nợ của khoản nợ chuyển đổi thành cổ phiếu.

Sau ghi nhận ban đầu, tiền lãi phải trả trong từng kỳ được tính trên cơ sở lãi suất và giá trị phần nợ gốc của khoản nợ chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Phần chênh lệch giữa lãi phải trả được tính vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa trong kỳ và lãi phải trả tính theo lãi suất danh nghĩa được ghi tăng phần nợ gốc của khoản nợ chuyển đổi.

Khi đáo hạn, giá trị quyền chọn cổ phiếu của nợ chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu và phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Chi phí phát hành nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được phân bổ cho các thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của công cụ đó theo tỷ lệ. Chi phí giao dịch liên quan đến thành phần vốn chủ sở hữu được trình bày là khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu. Chi phí phát hành liên quan đến thành phần nợ phải trả bao gồm trong giá trị thành phần nợ và được phân bổ vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa theo kỳ hạn của khoản vay theo phương pháp lãi suất thực tế.

31. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	20.025.074.395	23.966.803.458
Tiền gửi ngân hàng	366.110.036.917	459.710.259.682
Tiền đang chuyển	3.698.646.414	2.024.240.180
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱ⁾	46.338.751.309	59.557.869.062
Cộng	436.172.509.035	545.259.172.382

⁽ⁱ⁾ Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****2. Đầu tư ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	148.927.867.330	157.471.867.330
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link (xem thuyết minh số V.17)	482.400.000.000	482.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	60.604.438.220	436.224.269
- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 01 năm	38.604.438.220	436.224.269
- Đầu tư ngắn hạn khác	22.000.000.000	-
Cộng	<u>691.932.305.550</u>	<u>640.308.091.599</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	97.773.145.783
Trích lập dự phòng trong kỳ	8.593.352.755
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-
Số cuối kỳ	<u>106.366.498.538</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	133.084.589.233	119.955.355.978
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	11.100.598.088	4.675.662.369
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	1.788.654.216	3.329.682.174
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	187.703.145	15.379.801.812
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	45.335.702.048	55.211.865.883
Tại Công ty TNHH ISS – Gemadept	1.086.523.593	1.374.438.107
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	80.025.597.730	52.953.375.811
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	4.591.369.791	4.591.369.791
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	14.105.567.876	17.576.991.984
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	33.001.430	287.863.490
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	26.147.324.255	19.831.165.766
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	132.463.482	59.298.971
Tại Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	1.804.370.584	438.361.922
Tại Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	-	6.000.000
Cộng	<u>319.423.465.471</u>	<u>295.671.234.058</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	87.625.192.412	49.193.243.351

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	276.000.000	88.880.000
Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	44.000.000	22.000.000
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	45.888.525.395	34.847.122.505
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	34.992.510.425	47.908.664.568
Tại Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	2.314.947.576	2.314.947.576
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	9.259.625.631	5.746.902.536
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	9.414.815.140	884.772.068
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	42.822.956.496	49.971.859.181
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	991.639.925	1.274.662.748
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.,	655.644.329	-
Tại Công ty cổ phần hòn Ngọc Thái Bình Dương	17.695.022.334	-
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	5.741.633.298	-
Cộng	<u>257.722.512.961</u>	<u>192.253.054.533</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	37.115.999.054	23.886.465.832
Phải thu từ các công ty liên kết, hợp tác	39.312.581.137	47.370.831.430
Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam – hợp tác kinh doanh theo nội dung hợp đồng	35.000.000.000	35.000.000.000
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương	-	275.501.968.131
Pacific Pride Co., Ltd.	329.177.443.767	194.630.578.480
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.446.120.000	3.278.035.506
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay, trái phiếu	-	3.625.808.944
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.000.000.000	3.200.000.000
Các khoản phải thu khác	184.439.992.510	115.847.747.057
Cộng	<u>629.492.136.468</u>	<u>702.341.435.380</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	16.121.057.208
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.012.870.130)
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối kỳ	<u>15.108.187.078</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	-	522.548.636
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	17.587.037.013	5.956.847.436
Nhiên liệu tồn trên tàu	26.572.393.204	20.236.385.857
Công cụ dụng cụ	397.825.366	84.561.680
Phụ tùng thay thế	12.879.471.764	15.440.830.479
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	49.697.175.660	45.001.819.260
Hàng hóa	186.207.245	397.782.200
Cộng	<u>107.320.110.252</u>	<u>87.640.775.548</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	8.549.775.066	8.766.409.547
Công cụ, dụng cụ	4.475.839.681	5.057.844.243
Chi phí bảo hiểm	1.458.212.479	1.680.544.918
Các chi phí khác	4.714.398.195	3.163.618.801
Cộng	<u>19.198.225.421</u>	<u>18.668.417.509</u>

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	14.540.637.976	15.797.479.286
Cộng	<u>14.540.637.976</u>	<u>15.797.479.286</u>

11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	65.869.975.953	40.810.955.907
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	10.356.085.120	73.741.295.934
Tài sản thiếu chờ xử lý	569.250	8.598.818
Cộng	<u>76.226.630.323</u>	<u>114.560.850.659</u>

12. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty cổ phần Cảng Bình Dương - tiền cho mượn	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty cổ phần Hàng Hải Ngân Hà - tiền cho mượn	1.000.000.000	41.000.000.000
Cộng	<u>41.000.000.000</u>	<u>81.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	491.434.339.685	386.196.745.325	1.784.425.883.288	25.821.966.978	145.349.556.349	2.833.228.491.625
Tăng trong năm	569.151.986.784	214.007.070.771	20.214.428.370	1.468.760.219		804.842.246.144
Giảm trong năm	(53.233.994.300)	(19.376.374.771)	(31.708.694.731)	(7.626.062.995)	(143.995.951.496)	(255.941.078.293)
Số cuối quý	1.007.352.332.169	580.827.441.325	1.772.931.616.927	19.664.664.202	1.353.604.853	3.382.129.659.476
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	95.050.038.501	196.849.376.203	764.222.071.615	21.511.278.460	10.096.693.592	1.087.729.458.371
Tăng trong năm	67.294.375.958	28.283.981.548	128.522.661.709	2.569.528.885	152.583.348	226.823.131.448
Giảm trong năm	(20.413.831.472)	(16.406.020.870)	(21.000.819.149)	(6.730.749.044)	(9.645.679.435)	(74.197.099.970)
Số cuối quý	141.930.582.987	208.727.336.881	871.743.914.175	17.350.058.302	603.597.505	1.240.355.489.851
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	396.384.301.184	189.347.369.122	1.020.203.811.673	4.310.688.518	135.252.862.757	1.745.499.033.254
Số cuối quý	865.421.749.182	372.100.104.444	901.187.702.752	2.314.605.900	750.007.348	2.141.774.169.626

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	81.982.877.205	14.703.784.045	96.686.661.250
Mua trong kỳ	-	233.265.000	233.265.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh	166.888.453.524	73.000.000	166.961.453.524
Giảm khác	(6.102.080.000)	(1.254.959.536)	(7.357.039.536)
Số cuối kỳ	242.769.250.729	13.755.089.509	256.524.340.238
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.977.470.504	6.177.292.607	8.154.763.111
Khấu hao trong kỳ	2.689.429.486	2.154.297.246	4.843.726.732
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	11.734.949	11.734.949
Giảm khác	-	(737.776.476)	(737.776.476)
Số cuối kỳ	4.666.899.990	7.605.548.326	12.272.448.316
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	80.005.406.701	8.526.491.438	88.531.898.139
Số cuối kỳ	238.102.350.739	6.149.541.183	244.251.891.922

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thông tin về tình hình tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày theo bảng sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số đầu năm	Phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCD trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCD	40.961.615.601	221.534.835.304	(217.116.933.615)	45.379.517.290
XDCB dở dang	102.005.874.450	907.481.365.516	(449.021.484.554)	560.465.755.412
- Chi phí tư vấn, đầu tư xây dựng cao ốc Lê Lợi	2.694.479.091	(2.694.479.091)		-
- Dự án khu công nghiệp công nghệ cao Gemadep	3.658.444.173	(3.658.444.173)	-	-
- Công trình kho ngoại quan	1.031.531.552	(1.031.531.552)	-	-
- Công trình cảng quốc tế Nhơn Hội	2.773.755.129	(2.773.755.129)	-	-
- Công trình đường vào Cảng PVC	2.057.303.684	-	-	2.057.303.684
- Công trình dự án Cảng PVC	958.396.104	-	-	958.396.104
- Công trình khu dân cư Rạch Chiếc	45.636.269.027	6.228.816.798	-	51.865.085.825
- Dự án nâng cấp và mở rộng cảng Trường Thọ	33.588.404.618	5.626.253.716	(39.214.658.334)	-
- Dự án cao su của Pacific Pearl	8.378.562.872	222.764.248.276	-	231.142.811.148
- Dự án cao su của Pacific Lotus	-	255.825.018.853	-	255.825.018.853
- Dự án cảng Nam Hải Đình Vũ	-	427.195.237.818	(409.746.780.675)	17.448.457.143
- Phí thẩm định dự án	60.045.545	-	(60.045.545)	-
- Các dự án khác	1.168.682.655	-	-	1.168.682.655
Cộng	142.967.490.051	1.129.016.200.820	(666.138.418.169)	605.845.272.702

16. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadep tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	279.448.439.795	52.138.403.992	227.310.035.803
Khấu hao trong kỳ	-	12.405.215.942	
Số cuối kỳ	279.448.439.795	64.543.619.934	214.904.819.861

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	85.006.776.402	84.197.620.388
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	31.006.388.451	26.968.650.854

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích	Số cuối kỳ
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	Kinh doanh nhà ở	45.00%	47.410.905.577
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Dịch vụ kho vận, ngoại quan	26.78%	10.940.103.362

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích	Số cuối kỳ
Công ty MBN-GMD Việt Nam ⁽ⁱ⁾	Dịch vụ cho thuê kho	-	-
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam ⁽ⁱ⁾	Dịch vụ cho thuê kho	49.00%	3.585.687.484
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo ⁽ⁱⁱ⁾	Sản xuất nước khoáng	-	-
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Kinh doanh dịch vụ du lịch	40.00%	16.814.090.850
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Dịch vụ vận tải	38.03%	27.214.799.798
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam	Dịch vụ giao nhận, vận tải	49.00%	-
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	29.43%	126.193.316.195
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Dịch vụ vận tải	25.00%	21.301.771.362
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	Dịch vụ vận tải	-	-
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Chế biến thực phẩm	26.56%	42.722.880.393
Công ty TNHH Golden Globe	Xây dựng, cho thuê văn phòng	40.00%	45.617.683.136
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept-Terminal Link ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Dịch vụ khai thác cảng	50.00%	945.311.486.275
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	Dịch vụ giao nhận, vận tải	49.00%	1.029.000.000
Cộng			<u>1.288.141.724.432</u>

(i) Công ty TNHH MBN-GMD Việt Nam (Gemadept sở hữu 34% vốn) đã giải thể do hết thời hạn hoạt động. Để duy trì hoạt động sản xuất, các bên đối tác đã thành lập Công ty mới là Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi lưu giữ hàng hóa, trong đó Gemadept nắm giữ 49% vốn điều lệ.

(ii) Giảm do chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp.

(iii) Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept –Terminal với tỷ lệ 75% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gemadept đồng ý sẽ chuyển nhượng 25% cổ phần trong công ty này trong thời gian sắp tới. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” với tỷ lệ góp vốn là 50% và khoản mục “Đầu tư ngắn hạn” với tỷ lệ góp vốn là 25% (xem thuyết minh số V.2).

18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	168.734.041.600	171.884.041.600
Đầu tư dài hạn khác	81.914.341.406	125.927.901.494
Cộng	<u>250.648.383.006</u>	<u>297.811.943.094</u>

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	46.307.972.560	47.990.971.240
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	5.395.436.745	5.962.058.477
Cộng	<u>51.703.409.305</u>	<u>53.953.029.717</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phần mềm kế toán	91.162.502	-
Chi phí thuê dịch vụ	-	8.259.914.351
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.747.372.092	-
Chi phí sửa chữa kho, văn phòng	1.404.747.801	767.776.010
Chi phí trang trí nội thất	900.658.103	1.689.511.025
Chi phí nạo vét bến phao	4.812.099.747	980.825.302
Quyền thuê đất (*)	180.333.077.719	93.341.785.884
Các chi phí khác	9.326.895.957	1.191.843.470
Cộng	<u>201.616.013.921</u>	<u>106.231.656.042</u>

(*) Quyền thuê đất của Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương và Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương tại Cambodia có thời hạn là 70 năm.

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

22. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ tại các nhà cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, thuê văn phòng	3.000.000.000	3.858.712.599
Ký quỹ tại các hãng hàng không để đảm bảo thanh toán cước vận chuyển đường hàng không	842.920.000	832.360.000
Ký quỹ thuê đất	-	2.002.403.920
Ký quỹ hợp đồng bảo lãnh đầu tư	-	416.180.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	994.159.710	352.867.108
Cộng	<u>4.837.079.710</u>	<u>7.462.523.627</u>

23. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept và Công ty cổ phần cảng Nam Hải. Chi tiết phân bổ như sau:

Nguyên giá	
Số đầu năm	<u>333.931.512.200</u>
Số cuối kỳ	<u>333.931.512.200</u>
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	73.471.465.888
Phân bổ trong kỳ	<u>33.393.151.220</u>
Số cuối kỳ	<u>106.864.617.108</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	<u>260.460.046.312</u>
Số cuối kỳ	<u>227.066.895.092</u>

24. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	415.387.916.490	373.696.950.711

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	17.000.000.000	12.466.725.982
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	29.588.097.000	28.866.007.206
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	24.335.013.862	61.219.444.150
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	4.000.000.000	3.000.000.000
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	-	12.535.461.671
Cộng	<u>490.311.027.352</u>	<u>491.784.589.720</u>

25. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	98.982.731.431	87.620.666.863
Tại Công ty cổ phần cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất	3.326.312.399	1.595.000.352
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	2.889.589.752	3.785.584.698
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	5.239.482	4.421.185.776
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	18.449.288.680	19.702.126.667
Tại Công ty TNHH ISS - Gemadept	16.987.973	31.984.133
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	25.356.675.710	35.270.499.199
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	6.763.630.285	690.753.865
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	15.197.241.638	9.702.631.065
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	21.892.377.440	16.062.917.693
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	3.484.986.892	3.978.806.463
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	1.883.249.485	-
Tại Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng		7.533.656.930
Tại Công ty cổ phần hòn Ngọc Thái Bình Dương	64.726.215.910	65.438.264.348
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	21.644.496.289	-
Cộng	<u>284.619.023.366</u>	<u>255.834.078.052</u>

26. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	14.111.364.947	2.513.433.385
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	3.666.316	-
Tại Công ty TNHH ISS - Gemadept	4.982.638.591	2.913.618.132
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	111.784.886	12.908.077.176
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	109.979.091	71.380.769
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	8.938.000	1.049.534.000
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	42.218	51.961.304

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty TNHH một thành viên logictic Biển Sánh		880.972
Cộng	<u>19.328.414.049</u>	<u>19.508.885.738</u>
27. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	75.558.128.787	14.687.305.383
Cộng	<u>75.558.128.787</u>	<u>14.687.305.383</u>
28. Phải trả người lao động		
Các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng... còn phải trả cho công nhân viên.		
29. Chi phí phải trả	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	38.759.152.618	10.584.986.087
Chi phí cho dự án trồng cao su	36.898.354.125	31.362.760.743
Chi phí luân chuyển hàng hoá	2.338.106.555	3.062.337.052
Chi phí hoa hồng	1.034.424.313	692.952.472
Chi phí khác	39.611.937.302	14.774.694.531
Cộng	<u>118.641.974.913</u>	<u>60.477.730.885</u>
30. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	221.399.725	4.449.154.994
Cổ tức phải trả	10.040.535.950	2.533.507.605
Nhận ký quỹ ngắn hạn	6.549.946.351	4.653.278.481
Doanh thu chưa thực hiện	-	4.003.501.857
Tài sản thừa chờ xử lý	1.040.295	41.354.000
Các khoản phải trả khác	104.666.149.454	202.336.482.840
- Các khoản thu hộ phải trả	20.164.098.940	11.459.382.371
- Tiền bán hàng cảng biển phải trả ngân sách	-	1.716.241.909
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link - tiền mượn	-	120.853.141.332
- Ông Nguyễn Quốc Cường – tiền chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	9.264.678.577	9.264.678.577
- Khoản phải trả của các công ty liên kết, hợp tác	-	9.405.713.304
- Phải trả về dịch vụ làm đại lý	30.078.173.730	30.464.744.628
- Các khoản phải trả khác	45.159.198.207	19.172.580.719
Cộng	<u>121.479.071.775</u>	<u>218.017.279.777</u>
31. Dự phòng phải trả ngắn hạn		
Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.		

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

32. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

33. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept (*)	718.040.857.144	453.888.742.858
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	196.000.000.000	216.000.000.000
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	54.526.635.900	82.061.961.516
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	19.150.596	7.678.333.843
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	326.534.730.571	-
Cộng	<u>1.295.121.374.211</u>	<u>759.629.038.217</u>

(*) Trong đó bao gồm khoản vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P, theo Hợp đồng ngày 18 tháng 6 năm 2012.

Các khoản vay của các Công ty con trong Tập đoàn được đảm bảo bằng việc thế chấp các dự án đầu tư, các máy móc thiết bị và phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay và quyền thuê đất trả tiền hàng năm thuộc sở hữu của các công ty trong Tập đoàn.

34. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi hoãn lại do đánh giá lại tài sản cố định góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	261.398.991.593	257.536.706.662
Doanh thu chưa thực hiện	-	24.069.462.922
Cộng	<u>261.398.991.593</u>	<u>281.606.169.584</u>

35. Vốn chủ sở hữu**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.144.216.690.000	1.094.473.090.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
Vốn khác của chủ sở hữu	71.797.775.902	71.797.775.902
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	29.488.418.904	22.725.336.908
Quỹ đầu tư phát triển	7.233.118.656	4.511.710.559
Quỹ dự phòng tài chính	34.781.898.799	29.429.404.912
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	34.571.748.512	32.384.254.625
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	662.903.503.166	666.735.460.345

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	114.421.669	109.447.309
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	114.421.669	109.447.309
- Cổ phiếu phổ thông	114.421.669	109.447.309
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	114.421.669	109.447.309
- Cổ phiếu phổ thông	114.421.669	109.447.309
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	2.531.479.450.544	2.583.237.815.898
- Doanh thu hoạt động khai thác cảng	749.727.375.067	803.009.163.105
- Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý	1.696.745.299.075	1.696.031.032.405
- Doanh thu cho thuê văn phòng	85.006.776.402	84.197.620.388
Các khoản giảm trừ (Giảm giá hàng bán)	(3.227.946.110)	(2.773.045.378)
Doanh thu thuần	<u>2.528.251.504.434</u>	<u>2.580.464.770.520</u>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần hoạt động khai thác cảng	746.499.428.957	800.236.117.727
- Doanh thu thuần hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý	1.696.745.299.075	1.696.031.032.405
- Doanh thu thuần cho thuê văn phòng	85.006.776.402	84.197.620.388

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	492.362.451.080	538.225.027.450
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	1.557.438.500.334	1.559.682.215.479
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	31.006.388.451	26.968.650.854
Cộng	<u>2.080.807.339.865</u>	<u>2.124.875.893.783</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi đầu tư chứng khoán	39.200.001	2.280.890.179
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.264.040.283	19.976.126.572
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.805.541.291	40.471.329.099
Cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi liên doanh liên kết	3.180.738.010	42.273.314.143
Doanh thu hoạt động tài chính khác	173.725.825.751	13.119.836.858
Cộng	<u>190.015.345.336</u>	<u>118.121.496.851</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	115.010.442.151	143.502.583.899
Lỗ đầu tư chứng khoán	4.551.443.455	109.079.031.125
Lỗ chênh lệch tỷ giá	26.441.715.537	23.036.858.520
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	14.758.854.584	(91.010.895.979)
Chi phí tài chính khác	2.592.629.640	5.940.369.644
Cộng	163.355.085.367	190.547.947.209

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	24.370.224.627	16.657.162.630
Cộng	24.370.224.627	16.657.162.630

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên quản lý	108.072.707.931	108.675.278.864
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	3.517.927.479	3.122.028.170
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.076.363.007	12.371.386.951
Chi phí dự phòng	3.917.333.552	11.778.870.875
Phân bổ lợi thế thương mại	39.739.370.034	40.611.064.034
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.389.358.151	50.436.643.116
Chi phí khác	29.584.830.475	28.267.544.347
Cộng	246.297.890.629	255.262.816.357

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	28.917.217.272	136.860.560.212
Thu nhập khác	12.889.805.845	18.699.075.648
Cộng	41.807.023.117	155.559.635.860

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	8.272.019.682	96.667.227.483
Chi phí khác	36.495.497.640	22.052.151.663
Cộng	44.767.517.322	118.719.379.146

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	137.772.615.463	103.749.877.743
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	137.772.615.463	103.749.877.743
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	113.220.209	109.447.309
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.217	948

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	343.105.543.654	365.443.116.837
Chi phí nhân công	223.359.799.814	256.037.111.944
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	239.575.744.488	207.646.888.914
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.464.890.122.252	1.461.681.566.059
Chi phí khác	80.544.244.912	66.153.816.073
Cộng	2.351.475.455.120	2.356.962.499.827

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH OOCL Logistics Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Molenbergnatie - Gemadept Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Công ty liên kết
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Công ty liên kết
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Công ty liên kết
Công ty TNHH Golden Globe	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu		
Lợi nhuận được chia	-	1.735.560.000
Công ty MBN - GMD Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	-	1.299.291.751
Lợi nhuận được chia	-	3.740.983.694
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo		
Chi phí dịch vụ	-	424.947.991
Cổ tức được chia	-	2.349.190.000
Công ty TNHH Molenbergnatie - Gemadept Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	16.677.145.342	-
Chi phí dịch vụ	332.096.000	-
Chuyển tiền góp vốn	5.110.700.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.479.549.578	-
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực		
Chi phí dịch vụ	2.257.818.178	-
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam		
Phải thu khác	-	145.849.600
Doanh thu dịch vụ	14.253.016.068	46.363.636
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine Việt Nam		
Lợi nhuận được chia	-	9.233.746.597
Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn		
Góp vốn đầu tư	55.000.000.000	-
Chi phí dịch vụ	313.152.190	376.550.956
Công ty Sinokor Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	-	6.329.249.661
Cung cấp dịch vụ	-	149.413.634
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link		
Vay ngắn hạn	224.983.141.516	150.130.000.226
Doanh thu thuê văn phòng	1.554.367.247	3.396.462.401
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ		
Góp vốn đầu tư	-	105.000.000.000
Mượn tiền	-	8.000.000.000
Công ty TNHH Golden Globe		
Góp vốn đầu tư	2.139.087.500	4.180.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH OOCL Việt Nam		
Phải thu khách hàng	-	1.155.911.159
Công ty Sinokor Việt Nam		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	-	385.691.407

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH thương mại Quã Cầu Vàng</i>		
Phải thu khác	300.000.000	300.000.000
<i>Công ty TNHH Molenbergnatie - Gemadept Việt Nam</i>		
Phải thu khách hàng	184.055.004	
<i>Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam</i>		
Phải thu khách hàng	2.623.518.487	534.143.500
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link</i>		
Phải thu khách hàng	269.881.373	14.065.788
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ</i>		
Cho mượn	-	8.700.000.000
Cộng nợ phải thu	<u>3.377.454.864</u>	<u>11.089.811.854</u>
<i>Công ty TNHH Molenbergnatie - Gemadept Việt Nam</i>		
Phải trả người bán	192.000.000	-
<i>Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực</i>		
Phải trả người bán	360.000.000	-
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link</i>		
Mượn tiền		120.853.141.332
Vay ngắn hạn	226.633.567.094	103.086.206.944
Cộng nợ phải trả	<u>227.185.567.094</u>	<u>223.939.348.276</u>

2. Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2013 so với cùng kỳ năm ngoái

Lợi nhuận sau thuế TNDN của quý 4 năm 2013 lỗ hơn 28.3 tỷ đồng, giảm hơn 56.2 tỷ đồng so với quý 4 năm 2012. Nguyên nhân chủ yếu là do

Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng 21,4 tỷ đồng do Công ty thực hiện triệt để công tác tiết kiệm chi phí

Chi phí thuế TNDN tăng gần 39.5 tỷ đồng do định giá lại tài sản góp vốn.


Chi phí bán hàng tăng hơn 2.3 tỷ đồng.


Chi phí quản lý tăng gần 2.4 tỷ đồng.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính giảm 13,3 tỷ đồng.

Lợi nhuận khác giảm gần 19.5 tỷ đồng.

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 12 tháng 2 năm 2014


 Trương Như Nguyên
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc